

Số: 473 /TTr-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế- xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,
vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn**

Kính gửi: Quốc hội khóa XIV

Thực hiện Nghị quyết số 74/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Kỳ họp thứ 6, Quốc hội Khóa XIV, Chính phủ đã chỉ đạo Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành, địa phương liên quan tiến hành tổng kết, đánh giá chính sách phát triển kinh tế- xã hội (KT-XH) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) làm cơ sở để xây dựng Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2030 (sau đây gọi tắt là Đề án) trình Quốc hội phê duyệt.

Trong quá trình dự thảo Đề án, đã xin ý kiến các các bộ, ngành, địa phương, các nhà khoa học, người dân theo quy định. Chính phủ kính trình Quốc hội Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với những nội dung chủ yếu sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Nước ta có 53 dân tộc thiểu số (DTTS) với 14.118.232 người, gần 3 triệu hộ, cư trú thành cộng đồng ở 51 tỉnh, thành phố, 548 huyện, 5.266 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 382 xã biên giới. Địa bàn cư trú chủ yếu ở vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây Duyên hải miền Trung, chiếm 3/4 diện tích cả nước.

Đây là vùng trọng yếu về quốc phòng, an ninh, đối ngoại; nơi có nhiều tài nguyên khoáng sản, có hệ sinh thái động, thực vật đa dạng; có trên 14 triệu ha rừng, là đầu nguồn sinh thủy, gắn với các công trình thủy điện quốc gia vừa cung cấp điện, vừa cung cấp nước sản xuất, sinh hoạt cho vùng hạ du và khu vực đồng bằng.

Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh, Đảng và Nhà nước ta đã xác định vùng đồng bào DTTS&MN khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây Duyên hải miền Trung là những khu vực trọng yếu, giữ vị trí chiến lược quan trọng của đất nước.

Tuy nhiên, hiện nay vùng đồng bào DTTS&MN vẫn là vùng khó khăn nhất, chất lượng nguồn nhân lực thấp nhất, kinh tế - xã hội (KT-XH) phát triển chậm nhất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản thấp nhất, tỷ lệ hộ nghèo cao nhất.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trên là do: vùng đồng bào DTTS&MN chủ yếu là núi cao, biên giới, địa hình chia cắt, khí hậu khắc nghiệt, kết cấu hạ tầng kém nhất cả nước, xuất phát điểm rất thấp; biến đổi khí hậu, sự cố môi trường diễn ra nghiêm trọng và khó lường... Chi phí sản xuất, lưu thông hàng hóa lớn nên rất khó khăn để thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển KT-XH. Chính sách hỗ trợ phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu, nhưng còn nhiều đầu mối xây dựng, quản lý, theo dõi (hiện còn 118 văn bản đề cập đến chính sách); nguồn lực phân tán, dàn trải; chưa phân định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành nên hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thấp; chưa khai thác được tiềm năng, lợi thế của vùng, phát huy nội lực của đồng bào để đẩy mạnh phát triển toàn diện vùng đồng bào DTTS&MN.

Từ tình hình trên, rất cần thiết phải xây dựng “Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn” để phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ, toàn diện vùng đồng bào DTTS&MN góp phần thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc và chính sách dân tộc.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 12 và các Nghị quyết, Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

a) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 12 của Đảng đã xác định “Đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ, Tây Duyên hải miền Trung. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực và chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, người tiêu biểu có uy tín trong cộng đồng các dân tộc. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các cấp. chống kỳ thị dân tộc; nghiêm trị những âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc”.

b) Nghị quyết 24/NQ-TW về công tác dân tộc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Khóa IX, Hội nghị lần thứ 7, trong đó xác định rõ quan điểm:

“...Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất. Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái; phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước...”

c) Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/10/2017 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế- xã hội các xã biên giới đất liền kết hợp với tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị khóa IX về phương hướng phát triển KT-XH và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010; Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/1/2002 của Bộ Chính trị về phát triển KT-XH và bảo đảm an ninh quốc phòng - vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001-2010; Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 20/01/2003 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001-2010; Nghị quyết số 39- NQ/TW ngày 16/8/2004 của Bộ Chính trị về phát triển KT-XH và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Trung bộ đến năm 2010; Chỉ thị 49-CT/TW ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Căn cứ vào Hiến pháp năm 2013

- Điều 5:

“1. Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình.

4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước.”

- Điều 58:

Khoản 1: “Nhà nước, xã hội đầu tư phát triển sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, có chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.

- Điều 60:

Khoản 1: “Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại”.

- Điều 61:

Khoản 3, “Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; ưu tiên sử dụng, phát triển nhân tài; tạo điều kiện để người khuyết tật và người nghèo được học văn hoá và học nghề”.

- Điều 70:

Khoản 5, Quốc hội “Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước”.

3. Căn cứ vào khoản 8, Nghị quyết 74/2018/QH14 tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV

“Xem xét báo cáo đánh giá kết quả 03 năm thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Giao Chính phủ xây dựng Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, trình Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2019) để thực hiện từ năm 2021”

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện Nghị quyết số 74/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Kỳ họp thứ 6, Quốc hội Khóa XIV, Chính phủ giao Ủy ban Dân tộc (Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019) chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Ủy ban Dân tộc đã thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập xây dựng Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (sau đây gọi tắt là Ban Soạn thảo Đề án). Ban Soạn thảo Đề án gồm 21 thành viên gồm đại diện Thường trực Hội đồng Dân tộc và Lãnh đạo các bộ, ngành liên quan, do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc làm Trưởng ban.

Từ tháng 02/2019 đến nay, quá trình xây dựng dự thảo Đề án trải qua 2 giai đoạn:

1. Giai đoạn tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách dân tộc, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào DTTS&MN:

Ủy ban Dân tộc đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và các địa phương liên quan tiến hành tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách dân tộc và thực trạng đời sống KT-XH của người dân vùng đồng bào DTTS& MN và vùng KT-XH đặc biệt khó khăn.

Đã tổ chức Hội nghị tổng kết toàn quốc, do Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình chủ trì (ngày 03/01/2019). Sau Hội nghị, Ủy ban Dân tộc đã tổng hợp đầy đủ ưu điểm, khuyết điểm, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

Trên cơ sở Báo cáo tổng kết để tổng hợp thông tin, số liệu phục vụ việc xây dựng đề cương chi tiết, dự thảo Đề án lần 1, hoàn thành tháng 4/2019.

2. Giai đoạn tổ chức hội thảo xin ý kiến tham vấn, góp ý và hoàn thiện nội dung dự thảo Đề án:

Từ ngày 19/4/2019, Ban Soạn thảo Đề án đã đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Ủy ban Dân tộc để xin ý kiến góp ý rộng rãi của các tổ chức và cá nhân.

Trong thời gian từ 20/5/2019 đến hết 31/5/2019, dự thảo lần 2 đã được tổ chức xin ý kiến góp ý của 51 tỉnh vùng đồng bào DTTS&MN tại Hội nghị ở 4 khu vực Tây Bắc, Đông Bắc, Nam Trung bộ - Tây Nguyên, Đông Nam bộ và Tây Nam bộ.

Từ ngày 04/6/2019, Văn phòng Chính phủ đã gửi dự thảo Đề án lần 3, lấy ý kiến của các Bộ, ngành và các địa phương vùng đồng bào DTTS&MN. Đã có 37 địa phương, 26 bộ, ngành, cơ quan trung ương góp ý kiến bằng văn bản.

Ngày 05/7/2019 Bộ Tư pháp đã thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ Đề án.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm và Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc đã tổ chức 6 cuộc làm việc với Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Lãnh đạo Bộ Tài chính; Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc đã tham vấn ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Ngày 29/7/2019 Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc đã báo cáo dự thảo Đề án với Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình và Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ, có sự tham dự của Chủ tịch Hội đồng Dân

tộc của Quốc hội Hà Ngọc Chiến và đại diện Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, đại diện Lãnh đạo các bộ, ngành liên quan (Thông báo kết luận số 268/TB-VPCP ngày 31/7/2019 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình tại cuộc họp về Đề án tổng thể đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi và vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2025).

Ngày 01/8/2019, tại phiên thường kỳ tháng 7 năm 2019, tập thể Chính phủ đã xem xét và nhất trí thông qua nội dung Đề án trình Quốc hội. Tại mục 3 Nghị quyết số 59/NQ-CP, ngày 13/8/2019 Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2019:

“Chính phủ thống nhất với các nội dung chủ yếu của Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do Ủy ban Dân tộc trình.

Giao Ủy ban Dân tộc chủ trì: Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành liên quan tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ, hoàn thiện Đề án, dự thảo Nghị quyết của Quốc hội và hồ sơ kèm theo; trong đó, xác định tên gọi Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phạm vi Đề án thực hiện ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tích hợp các chính sách thành Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để thực hiện từ năm 2021; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước khi Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội theo quy định.”

Ngày 04/9/2019, Thường trực Hội đồng Dân tộc của Quốc hội đã tổ chức phiên họp mở rộng để thẩm tra sơ bộ Đề án. Tại kỳ họp lần thứ 37, ngày 18/9/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã cho ý kiến về Đề án. Ngày 24/9/2019, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội đã tổ chức phiên họp toàn thể thẩm tra Đề án. Những ý kiến góp ý và kết luận tại các cuộc họp trên đã được cơ quan chủ trì soạn thảo Đề án nghiêm túc tiếp thu để hoàn thiện Đề án.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỀ ÁN

A. BỐ CỤC CỦA ĐỀ ÁN

Dự thảo Đề án gồm 6 phần, cụ thể:

Phần thứ I: Sự cần thiết và căn cứ xây dựng Đề án

Phần thứ II: Thực trạng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

I. Khái quát về dân số và phân bố dân cư

II. Thực trạng kinh tế - xã hội

III. Đánh giá chung

Phần thứ III: Quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

I. Bối cảnh, quan điểm, phạm vi và mục tiêu của Đề án

II. Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

III. Giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

IV. Giải pháp huy động vốn và kinh phí thực hiện Đề án

Phần thứ IV: Đánh giá tác động của Đề án

Phần thứ V: Tổ chức thực hiện

I. Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

II. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương

Phần thứ VI: Kết luận và kiến nghị

I. Kết luận

II. Kiến nghị

B. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỀ ÁN

I. Đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1. Về thành tựu

Cùng với sự phát triển của đất nước, vùng đồng bào DTTS&MN đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, toàn diện về phát triển KT-XH; đảm bảo quốc phòng; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; hạ tầng KT-XH được tăng cường đầu tư; đời sống của đồng bào ở vùng đồng bào DTTS&MN được nâng lên rõ rệt; niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước không ngừng được củng cố và tăng cường; khối đại đoàn kết được chăm lo xây dựng vững chắc.

a) KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN trong những năm qua có bước phát triển khá mạnh. Các địa phương vùng đồng bào DTTS&MN đều đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và thu nhập bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông, lâm nghiệp. Kết cấu hạ tầng vùng đồng bào DTTS&MN được đầu tư xây dựng đồng bộ hơn; tiềm năng lợi thế ở từng vùng, từng khu vực được khai thác hiệu quả hơn, góp phần nâng cao thu nhập của người dân.

b) Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề được quan tâm đầu tư, đạt được một số kết quả nổi bật nhất là hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú,

chế độ, chính sách đối với người dạy và người học cơ bản đáp ứng yêu cầu thực tế.

c) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình tiếp tục đạt được kết quả tốt hơn giai đoạn trước. Chính sách mua bảo hiểm y tế cho người DTTS, người nghèo đã góp phần quan trọng trong khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Kiểm soát không để xảy ra dịch bệnh lớn ở người, phòng chống bệnh sốt rét, bấu cở và các bệnh truyền nhiễm đạt kết quả khá tốt.

d) Công tác giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đặc sắc của cộng đồng các DTTS được quan tâm; một số sản phẩm văn hóa vật thể, phi vật thể được khôi phục, lưu truyền; hàng năm tổ chức các ngày hội văn hóa các dân tộc mang đậm dấu ấn của từng vùng, từng dân tộc, phong phú, đa dạng, thống nhất trong nền văn hóa dân tộc Việt Nam.

đ) Kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện, không để xảy ra tình trạng đói, khó khăn, hoạn nạn mà không được trợ giúp, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra các “điểm nóng” về an ninh trật tự.

e) Hệ thống chính trị ở cơ sở được xây dựng ngày càng vững mạnh. Cán bộ, công chức, viên chức người DTTS được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng hiệu quả hơn, đáp ứng ngày càng tốt yêu cầu thực tiễn; Niềm tin của đồng bào DTTS đối với Đảng, Nhà nước được nâng lên; khối đại đoàn kết các dân tộc không ngừng được củng cố, xây dựng vững chắc.

2. Một số hạn chế, bất cập

a) Một số vấn đề bức xúc trong đời sống của đồng bào DTTS như: Hiện còn 12.976 hộ di cư tự phát chưa được sắp xếp ổn định, 58.123 hộ thiếu đất ở, 465.266 hộ cần hỗ trợ nhà ở, 303.578 hộ thiếu đất sản xuất, 313.219 hộ thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh...

b) Thu nhập bình quân của hộ đồng bào DTTS ở nhiều nơi chỉ bằng 40-50% bình quân thu nhập trong khu vực; tỷ lệ dân số DTTS chiếm 14,7% nhưng tỷ lệ hộ nghèo chiếm 55,27% tổng số hộ nghèo của cả nước. Hiện có 9 tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo người DTTS chiếm trên 90%; 4 tỉnh tỷ lệ hộ nghèo từ 70% - 90%.

c) Chất lượng giáo dục đào tạo đã được nâng lên, nhưng so với mặt bằng chung vẫn còn thấp. Vẫn còn khoảng 21% người DTTS trên 15 tuổi chưa đọc thông, viết thạo tiếng Việt.

d) Mức độ tiếp cận các dịch vụ y tế còn nhiều khó khăn, tỷ lệ được cấp thẻ BHYT cao nhưng tỷ lệ khám, chữa bệnh còn thấp; tỷ lệ phụ nữ mang thai được khám định kỳ mới đạt 71%; tỷ lệ sinh con tại nhà là 36,3%; trẻ em suy dinh dưỡng là 32%.

đ) Bản sắc văn hóa tốt đẹp của nhiều dân tộc đang bị mai một. Số người không biết nói tiếng dân tộc của mình ngày càng tăng; dân ca, dân vũ, nhạc cụ truyền thống của nhiều DTTS chỉ được phục dựng khi lễ hội, ít được diễn ra trong đời sống hàng ngày.

e) Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS trong cơ quan nhà nước các cấp có xu hướng giảm; hầu hết các bộ, ngành và địa phương chưa đạt được tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS theo quy định tại Quyết định 402/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

g) Vẫn còn tồn tại nhiều hủ tục lạc hậu, một số tệ nạn xã hội như nghiện hút, buôn bán và vận chuyển trái phép ma túy, buôn bán người qua biên giới...là những yếu tố tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN.

3. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém

Ngoài những nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan dẫn đến những hạn chế yếu kém trên đó là:

a) Hệ thống chính sách phát triển KT-XH dành cho vùng đồng bào DTTS&MN chưa thực sự đồng bộ; cơ chế thực thi chính sách còn chưa đổi mới, thiếu đột phá. Mặt khác, sự phối hợp giữa các ngành, các cấp có việc chưa chặt chẽ, hiệu quả, nhận thức của một số cán bộ, công chức, viên chức còn phiến diện, chưa thật lòng quan tâm đến vùng DTTS&MN.

b) Đồng bào các DTTS sinh sống ở địa bàn KT-XH khó khăn và đặc biệt khó khăn; ở những địa phương nghèo, chủ yếu nhận hỗ trợ ngân sách từ Trung ương, khó có thể lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện chính sách dân tộc, trong khi đó ngân sách Trung ương chưa bố trí được nguồn vốn riêng để thực hiện một số chính sách, do vậy không đạt được mục tiêu các đề án, chính sách đã được phê duyệt.

c) Phân định vùng đồng bào DTTS&MN theo trình độ phát triển còn bất cập, định mức đầu tư còn thấp; chưa có dòng ngân sách riêng để thực hiện chính sách dân tộc, do vậy đề án, chính sách nhiều nhưng thiếu nguồn lực thực hiện.

d) Bộ máy theo dõi công tác dân tộc thiếu ổn định, thống nhất từ Trung ương đến địa phương; thiếu một hệ thống cơ sở dữ liệu đầy đủ và mang tính liên tục, kịp thời để phục vụ mục tiêu theo dõi, quản lý và tham mưu chính sách. Năng lực của đội ngũ cán bộ theo dõi công tác dân tộc còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm thực tiễn.

đ) Sự phối hợp giữa các bộ, ngành trong xây dựng và phân bổ nguồn lực, kiểm tra đánh giá của một số chính sách chưa chặt chẽ; thiếu hệ thống chỉ tiêu

thống kê nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào DTTS&MN (cơ sở quan trọng để đánh giá kết quả và hiệu quả chính sách dân tộc). Văn bản hướng dẫn của một số bộ, ngành về địa bàn thực hiện chính sách có điểm chưa thống nhất, chưa phù hợp với tình hình thực tế. Đội ngũ cán bộ cơ sở vùng dân tộc và cán bộ trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

II. Quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030

1. Về quan điểm:

a) Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là đầu tư cho phát triển bền vững gắn liền với xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống so với vùng phát triển; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc góp phần đẩy lùi các tệ nạn xã hội; đảm bảo quyền và cơ hội bình đẳng giới; nâng cao mặt bằng dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là cán bộ dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; góp phần quan trọng thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nhằm đạt được mục tiêu “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

b) Phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng, gia tăng sự đầu tư và hỗ trợ của Trung ương, bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn vốn thực hiện các chính sách được ban hành. Huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong vùng, thu hút các nguồn lực từ các vùng khác và các nguồn tài trợ quốc tế để phát triển kinh tế nhanh, bền vững, hiệu quả. Trong đó, nguồn lực nhà nước là chủ yếu, quan trọng và có ý nghĩa quyết định, tạo điều kiện thuận lợi để huy động và thu hút các nguồn lực khác.

c) Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, biên giới quốc gia, gắn với xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển đối với các quốc gia trong khu vực.

d) Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, nguồn nước, hệ động thực vật, thực vật, đa dạng sinh học; đặc biệt là bảo vệ và phát triển rừng.

đ) Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có trọng tâm, trọng điểm; là trách nhiệm của các cấp, các ngành và người dân. Nhà nước giữ vai trò

quan trọng, tạo điều kiện để tất cả các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước.

2. Về mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát:

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống so với vùng phát triển; giảm dần địa bàn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu đi đôi với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng gấp 2,0 lần so với năm 2020.

- Tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm từ 3% đến 5%;

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Giao thông Vận tải; 70% thôn, bản có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; 80% thôn, bản có nhà sinh hoạt cộng đồng;

- Sắp xếp ổn định 70% số hộ di cư tự phát, số hộ đang sinh sống trong rừng đặc dụng, khu vực xung yếu nguy hiểm; hỗ trợ giải quyết 70% số hộ thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, còn ở nhà tạm so với cuối năm 2020.

- Tỷ lệ độ che phủ rừng duy trì 42%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 50%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ từ 10-15%.

- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học phổ thông trung học trên 60%; thanh niên 15 đến 35 tuổi đọc thông viết thạo tiếng Việt trên 95%.

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số dân tộc thiểu số.

- 95% người dân tộc thiểu số biết nói tiếng dân tộc của mình trong giao tiếp; 80% xã, thôn, bản có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống.

- Trên 80% phụ nữ được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thiếu cân xuống dưới 15%.

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 85-90%.

c) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng gấp 2,5 lần so với năm 2026.

- Không còn hộ đói; giảm 80% hộ nghèo so với năm 2020; 80% hộ gia đình có mức sống bằng với mức sống dân cư trong khu vực;

- Trên 85% xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có cơ sở hạ tầng (đường, điện, trường học, trạm y tế, trụ sở làm việc...) đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân;

- Giải quyết căn bản tình trạng di cư tự phát trong đồng bào dân tộc thiểu số;

- Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đề ra trong mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

3. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Đề án

a) Phạm vi thực hiện của Đề án

Đề án thực hiện ở địa bàn các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (không bao gồm xã thuộc vùng bãi ngang ven biển và hải đảo) giai đoạn 2021 - 2030.

b) Đối tượng điều chỉnh

- Xã, thôn đặc biệt khó khăn (không bao gồm xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng bãi ngang ven biển và hải đảo);

- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số;

- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn.

4. Về phương hướng phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN

a) Về phát triển kinh tế

Khai thác tiềm năng, lợi thế, đẩy mạnh khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp phát triển kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị. Tập trung vào các lĩnh vực như: kinh tế lâm nghiệp; cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu, hương liệu; chăn nuôi đại gia súc (chủ yếu là gia súc ăn cỏ); du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng (trải nghiệm).

b) Về văn hóa, xã hội

Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, dạy nghề để nâng cao mặt bằng dân trí, đổi mới tư duy, khơi dậy sự sáng tạo, tự lực, tự cường vượt khó vươn lên; nâng cao chất lượng y tế, dân số, tạo điều kiện thuận lợi hơn để người dân tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh; Đẩy mạnh nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch.

c) Về quốc phòng, an ninh

Xây dựng thế trận lòng dân gắn với thế trận an ninh quốc phòng vững chắc; bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia; phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội. Không để xảy ra các “điểm nóng” về an ninh trật tự. Trong đó tăng cường vai trò của Bộ đội biên phòng gắn với xây dựng xã, thôn, bản vững mạnh.

5. Về nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN, gồm 11 nhóm sau:

a) Xây dựng và ban hành tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xác định cụ thể địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung và tích hợp hệ thống chính sách dân tộc thành Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để thực hiện trong giai đoạn 2021- 2030 gồm các dự án chủ yếu sau:

(1) Phát triển kinh tế lâm nghiệp và các dự án sản xuất tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người dân.

(2) Hỗ trợ đất ở, cải thiện nhà ở, hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt.

(3) Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu của cấp xã, thôn, bản và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực dân tộc.

(4) Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn.

(5) Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

(6) Bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.

(7) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực.

(8) Truyền thông, tuyên truyền, vận động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

c) Ban hành cơ chế, chính sách đặc thù trong tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số.

d) Tăng cường nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để phục vụ công tác dự tính, dự báo, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc

đ) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc.

e) Tăng cường củng cố và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vững mạnh.

g) Huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó nguồn lực Nhà nước giữ vai trò quan trọng, quyết định để huy động các nguồn lực khác.

h) Điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Dân tộc là đầu mối thống nhất theo dõi, tổng hợp các chính sách dân tộc; tham gia thẩm định chính sách, dự án đầu tư liên quan đến vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

i) Tiếp tục ban hành chính sách đảm bảo an sinh xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là hỗ trợ đảm bảo ăn, ở của học sinh ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

k) Đổi mới tổ chức và hoạt động của ngân hàng chính sách xã hội theo hướng mở rộng đối tượng vay đến các dự án sản xuất, kinh doanh tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số.

l) Nghiên cứu giải quyết đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của một bộ phận dân tộc thiểu số về thành phần, tên gọi dân tộc, về đăng ký hộ khẩu, hộ tịch, đăng ký kết hôn, khai sinh cho con mới sinh đối với các hộ di cư tự phát.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

2. Trách nhiệm của các Bộ, ngành.

3. Trách nhiệm của chính quyền cấp tỉnh.

4. Các dự án đầu tư ở vùng đồng bào DTTS&MN là các dự án không lớn, do vậy giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sẽ ban hành cơ chế đặc thù quản lý đầu tư và thực hiện các chính sách an sinh đối với người dân đảm bảo phù hợp với thực tế, hiệu quả.

5. Tổ chức thực hiện đề án và chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo nguyên tắc: Có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả; thu gọn đầu mối quản lý; công khai, dân chủ, minh bạch; có sự giám sát của cộng đồng và người dân; tạo điều kiện để nhân dân trực tiếp thực hiện. Thực hiện phân cấp mạnh để chính quyền

cấp tỉnh quyết định, điều hành thực hiện các dự án thành phần, phù hợp với địa phương.

6. Định kỳ hàng năm Chính phủ báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện Đề án; sơ kết 3 năm và tổng kết 5 năm đề xuất thực hiện Đề án cho giai đoạn tiếp theo.

IV. KẾT LUẬN

Chủ trương xây dựng Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn là rất cần thiết, đáp ứng yêu cầu thực tiễn được hầu hết các bộ, ngành, địa phương và đồng bào các DTTS đồng tình, ủng hộ. Đề án được phê duyệt và tổ chức thực hiện sẽ góp phần thúc đẩy KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN phát triển bền vững; tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người dân, góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững; giải quyết căn bản một số bức xúc của người DTTS sinh sống ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn. Góp phần củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh, đối ngoại; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở ngày càng vững mạnh; xây dựng vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc; nâng cao niềm tin của đồng bào các DTTS đối với Đảng và Nhà nước.

V. NỘI DUNG GIẢI TRÌNH VÀ KIẾN NGHỊ VỚI QUỐC HỘI

1. Về tên gọi của đề án

Trong quá trình xây dựng Đề án, đa số ý kiến các bộ, ngành, địa phương và Hội đồng Dân tộc của Quốc hội cho rằng: Xuất phát từ việc xem xét Báo cáo 3 năm của Chính phủ thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển KT-XH ở vùng đồng bào DTTS&MN tại kỳ họp thứ 6 của Quốc hội khóa XIV, Quốc hội giao Chính phủ xây dựng Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN, vùng có điều kiện ĐBKK (như vậy sẽ gồm cả các xã bãi ngang ven biển, hải đảo) là địa bàn không có hoặc có rất ít người DTTS sinh sống là chưa thật phù hợp. Do vậy, Chính phủ trình Quốc hội cho phép điều chỉnh lại nội dung và tên Đề án là: “Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”. Đối với vùng bãi ngang ven biển và hải đảo sẽ được điều chỉnh ở đề án khác phù hợp hơn.

2. Về sản phẩm của Đề án

Mục đích của việc xây dựng Đề án là phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra trong quá trình tổng kết, trọng tâm là giải quyết một số khó khăn, bức xúc của người dân, điều chỉnh, tích hợp chính sách cho phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển toàn diện vùng đồng bào DTTS&MN, thu hẹp dần khoảng cách so với vùng phát triển... Do vậy, Chính phủ đề nghị Quốc hội phê duyệt Đề án và chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thực hiện từ năm 2021. Do một đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban chỉ đạo (cùng với

Chương trình mục tiêu quốc gia khác), Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc làm Phó Trưởng ban chỉ đạo thực hiện của Chương trình này.

3. Về kinh phí thực hiện Đề án

Kinh phí đề xuất trong Đề án tổng hợp từ các bộ, ngành, địa phương khá lớn, khó có thể đáp ứng. Do vậy Chính phủ đề nghị Quốc hội phê duyệt chủ trương và các nội dung chủ yếu của Đề án, khi xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN, Chính phủ sẽ tổng hợp, cân đối và trình Quốc hội theo quy định của Luật đầu tư công và Luật ngân sách Nhà nước.

4. Quốc hội xem xét, phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 là thực hiện thẩm quyền quy định tại Khoản 5, Điều 70 Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013. Do vậy, trân trọng đề nghị Quốc hội ban hành Nghị quyết chuyên đề giao nhiệm vụ cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, chính quyền cấp tỉnh; Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội thực hiện giám sát quá trình thực hiện.

5. Khi Đề án và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 được Quốc hội phê duyệt, Chính phủ trân trọng đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận phối hợp, giám sát, kiểm tra để thực hiện hiệu quả Đề án.

Trên đây là Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Chính phủ kính trình Quốc hội khóa XIV xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CTQH Nguyễn Thị Kim Ngân (b/c);
- Thủ tướng Chính phủ (b/c);
- PCT Thường trực QH Tòng Thị Phóng (b/c);
- PCT QH Phùng Quốc Hiển (b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- HĐDT và các UB của QH;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Các Đại biểu Quốc hội
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc (20);
- Lưu: VT, QHĐP (3). 110

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
ỦY BAN DÂN TỘC**



Đỗ Văn Chiến